TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2018

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	THUYẾT MINH	QUÝ II/2017	QUÝ II/2018	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàngvà cung cấp dịch vụ	1	VI.25	**156.123.059.710**	**140.285.394.208**	(15.837.665.502)	89,86
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10				-	
	dịch vụ (10 = 10 - 01)			**156.123.059.710**	**140.285.394.208**	(15.837.665.502)	89,86
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	**87.586.438.354**	**98.189.155.359**	10.602.717.005	112,11
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20				-	
	dịch vụ (20 = 10 -11)			**68.536.621.356**	**42.096.238.849**	(26.440.382.507)	61,42
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	17.453.778.092	20.011.150.055	2.557.371.963	114,65
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	5.188.315.037	6.106.221.942	917.906.905	117,69
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		885.702.487	2.096.644.131	1.210.941.644	236,72
8	Chi phí bán hàng	24		2.958.293.254	2.837.207.698	(121.085.556)	95,91
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.390.019.773	20.516.836.003	5.126.816.230	133,31
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30		**62.453.771.384**	**32.647.123.261**	(29.806.648.123)	52,27
11	Thu nhập khác	31		2.422.823.960	21.998.176.419	19.575.352.459	907,96
12	Chi phí khác	32		404.201.650	2.654.678.213	2.250.476.563	656,77
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		**2.018.622.310**	**19.343.498.206**	17.324.875.896	958,25
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		**64.472.393.694**	**51.990.621.467**	(12.481.772.227)	80,64
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	11.469.956.387	11.789.470.083	319.513.696	102,79
16	Chi phí thuếTNDN hoãn lại	52	VI.30	20.912.046	-	(20.912.046)	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60		**52.981.525.261**	**40.201.151.384**	(12.780.373.877)	75,88
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ công công ty mẹ	61		**48.947.254.896**	**42.107.983.568**	(6.839.271.328)	86,03
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		**4.034.270.365**	**(1.906.832.184)**	(5.941.102.549)	(47,27)
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		**1.220**	**1.049**		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		**1.220**	**1.049**		

Giải Trình:

Trong Qúy II/2017: Sản lượng tiêu thụ là 2.326,15 tấn; Giá bán bình quân: 47.139.295 VND/tấn.
Trong Qúy II/2018: Sản lượng tiêu thụ là 2.120.19 tấn; Giá bán bình quân: 34.855.280 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ Qúy II/2018 thấp hơn Qúy II/2017. Và giá bán bình quân thấp hơn Qúy II/2017.
(giá bán bình quân Qúy II/2018 giảm : 12.284.015 VND/tấn hay giảm 26,06% so với Qúy II/2017)
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Qúy II/2018 giảm: 29.806.648.123 VND hay giảm 47,73% so với Qúy II/2017.
+ Lợi nhuận khác Qúy II/2018 tăng : 17.324.875.896 VND với Quý II/2017
Do đó, lợi nhuận sau thuế Qúy II/2018 giảm: 12.780.373.877 VND hay giảm 24.12% so với Qúy II/2017.

Ngày 31 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
VÕ DUY HƯỚNG	Phạm Ngọc Huy	Hồ Cường